

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 6

TUẦN 25 Bài 7: GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG

Đọc kết nối chủ điểm: CHỊ SẼ GỌI EM BẰNG TÊN (1 tiết)

I. Trải nghiệm cùng văn bản

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Nhân vật người em

- Hình dáng: đôi mắt to đen láy, thể hiện sự e dè.
 - Tính cách: hay cười vì không lí do gì, em không giống những đứa trẻ khác.
 - Đối với chị gái: Dù bị chị mắng mỏ, quát nạt nhưng người em vẫn rất yêu quý chị.
- Là người kém may mắn song có tình cảm trong sáng, nhân hậu.

2. Nhân vật người chị

**** Trong đời sống hàng ngày***

- Thái độ: lạnh lùng, ghét em, khó chịu khi đi cùng em
- Hành động: trừng mắt, dọa em sợ, gọi bằng đủ biệt danh xấu xí. giả vờ tốt bụng trước mặt mọi người,
- Nguyên nhân: Xấu hổ, mặc cảm vì em mình không được bình thường, phải học lớp giáo dục đặc biệt, mỗi lần đi cùng em bị người khác tò mò, dè ý.

**** Trong cuộc trò chuyện khi đi ra trạm xe buýt***

- Người chị đã nhẹ nhàng hỏi chuyện, chăm chú lắng nghe
- Người chị nhận thấy em trai mình đầy hoài bão, tốt bụng, thân thiện, cởi mở và hoạt ngôn.

=> dần thay đổi nhận thức, suy nghĩ về đứa em.

**** Khi tình cờ nghe được cuộc nói chuyện giữa bố và em trai***

- Khi nghe được cuộc nói chuyện giữa bố và em trai: người chị đã bật khóc vì biết em yêu quý, trân trọng mình, không hề trách móc hay oán hận mình

→ Chính lòng tốt của người em đã cảm hóa người chị và giúp chị nhận ra được tình thân trong gia đình.

3. Bài học

- Nên yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, thấu hiểu, đồng cảm với mọi người, đặc biệt là anh chị em trong gia đình

- Cần biết bảo vệ nhau

- Tuyệt đối không được có thái độ lạnh lùng, xa lánh người thân của mình

...

III. Tổng kết

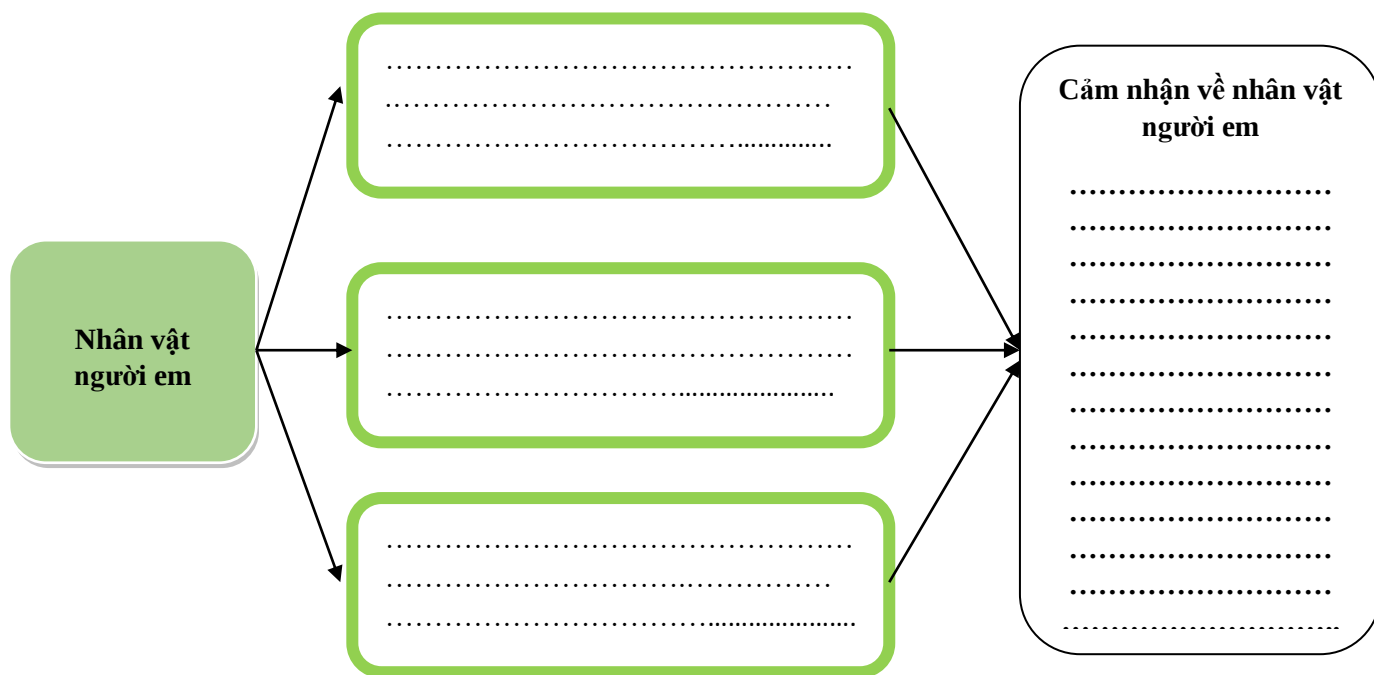
1. Nội dung – Ý nghĩa:

- Truyện kể về cách cư xử của chị em trong gia đình. Qua đó, truyện gửi gắm ý nghĩa để gia đình gắn kết, yêu thương nhau rất cần sự quan tâm, lắng nghe, chia sẻ của mọi thành viên.

2. Nghệ thuật

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất, giúp nhân vật bộc lộ được những tâm trạng, cảm xúc chân thực, gây xúc động cho người đọc

PHIẾU HỌC TẬP



Thái độ, hành động của chị đối với em trai; nguyên nhân	Điều gì làm cho mối quan hệ giữa hai chị em thay đổi	Vì sao người chị lại khóc
..... 		
Bài học mà em rút ra được 		

Bài 7: GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
(TỪ ĐA NGHĨA, TỪ ĐỒNG ÂM)
(2 tiết)

I. Tri thức Tiếng Việt

1. Từ đa nghĩa

- **Từ đa nghĩa**: là từ có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển. Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện trước, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác. Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.

** ví dụ:*

*a. Hai cha con bước **đi** trên cát.*

- “Đi” → là nghĩa gốc (**chỉ hành động tự di chuyển của người hay động vật bằng những động tác lên tiếp của chân**).

*b. Xe **đi** chậm rì.*

- “Đi” → là nghĩa chuyển (**chỉ hoạt động di chuyển của phương tiện vận tải trên một bề mặt**).

2. Từ đồng âm

- Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan gì đến nhau.

** ví dụ:*

*a. Lời của con hay **tiếng** sóng thẳm thì.*

- “Tiếng” → là từ chỉ **âm thanh phát ra từ một sự vật, đối tượng**.

*b. Một **tiếng** nữa con sẽ về đến nhà.*

- “Tiếng” → là từ chỉ **thời gian một giờ đồng hồ**.

** Lưu ý:*

- Từ đồng âm đôi khi được sử dụng để tạo ra cách nói độc đáo

VD: Ruồi đậu mân xôi đậu.

PHIẾU HỌC TẬP

Từ đa nghĩa		Từ đồng âm	
VD1a: Hai cha con bước đi trên cát. →đi:	VD1b: Xe đi chậm rì. →đi:	VD2a: Lời của con hay tiếng sóng thầm thì. →tiếng	VD2b: Lời của con hay tiếng sóng thầm thì. →tiếng
Nhận xét:		Nhận xét:	
Từ đa nghĩa:		Từ đồng âm:	

II. Luyện tập

Bài 1

- Từ “trong” thứ nhất chỉ sự trong sạch, nhìn rõ xuống được lớp nước sâu. Từ “trong” thứ hai chỉ một tập hợp, tập thể.
- Nghĩa của hai từ “trong” không liên quan đến nhau.
- Đây là hai từ đồng âm.

Bài 2

- Cánh trong cánh buồm nghĩa là: bộ phận của con thuyền giúp nó có thể di chuyển được trên mặt nước nhờ sức gió.
- Cánh trong cánh chim là: bộ phận để bay của chim, dơi, côn trùng, có hình tấm, rộng bản, thành đôi đối xứng nhau ở hai bên thân mình và có thể mở ra khép vào

- Cánh trong cánh cửa là: bộ phận hình tấm có thể khép vào mở ra được, ở một số vật

- Cánh trong cánh tay là: bộ phận của cơ thể người, từ vai đến cổ tay ở hai bên thân mình

b. Từ "cánh" trong các ví dụ trên là từ đa nghĩa vì nó đều là một bộ phận có sự đối xứng hai bên và có thể di chuyển được

Bài 3

- Chân:

+ Nghĩa gốc: chỉ bộ phận của cơ thể người hay loài vật, thường ở dưới cùng, có chức năng nâng đỡ cơ thể và đi lại, chuyển dịch từ nơi này đến nơi khác

+ Nghĩa chuyển: chân bàn, chân tường, chân trời, chân mây, chân tu, chân rết, chân mày...

- Mắt

+ Nghĩa gốc là cơ quan để nhìn của người hay động vật, giúp phân biệt được màu sắc, hình dáng; thường được coi là biểu tượng của cái nhìn của con người

+ Nghĩa chuyển: mắt na, mắt xích, mắt camera, mắt lưới, mắt bão, mắt mía...

(chỗ lồi lõm giống như hình con mắt, mang chồi, ở một số loài cây :mắt tre, mắt mía;

bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ một số loại quả: mắt dứa, na mở mắt; phần trung tâm của một cơn bão (mắt bão)

- Đầu:

+ **Nghĩa gốc:** phần trên nhất của thân thể người hay phần trước nhất của thân loài vật, ở đó có hệ thần kinh trung ương, phần lớn các giác quan, nối vào thân bằng cổ.

Ví dụ: Đầu bạc răng long, đau đầu, nhức đầu, Đầu voi đuôi chuột,...

+ **Các trường hợp chuyển nghĩa thường gặp:**

. Phần trên nhất, trước nhất của một vật. Ví dụ, đầu trang sách, đầu sông, đầu đường

- . Phần trên nhất, trước nhất của mọi sự việc. Ví dụ: đầu mỗi,...
- . Phần trên nhất trước nhất của một khoảng thời gian. Ví dụ: đầu năm, đầu tháng, đầu tuần...
- . Phần trên nhất, trước nhất, ngoài cùng của một vật. Ví dụ: hai đầu bút chì, đầu xanh đầu đỏ, đầu nhà.
- . Phần tốt nhất. Ví dụ đứng đầu lớp về môn toán.
- . Phán trên hết, xuất sắc. Ví dụ: đỗ đầu, vận dụng viên về đầu trong cuộc chạy việt dã.

- Mũi:

+ **Nghĩa gốc:** Phần nhô cao theo trục dọc của mặt, giữa trán và môi trên, trong đó có phần phía trước của hai lỗ vừa để thở vừa là bộ phận của cơ quan khứu giác.
Ví dụ: mũi lõ, mũi tẹt, sỏ mũi, khịt mũi.

+ Các trường hợp chuyển nghĩa thường gặp:

- . Phần nhọn hoặc nhọn và sắc ở đầu một vật. Ví dụ: mũi kim, mũi kéo, mũi dao...
- . Phần đất nhọn nhô ra biển, sông. Ví dụ, mũi Ca Mau, mũi đất.
- . Hướng triển khai lực lượng, phần lực lượng quân đội tiến lên trước. Ví dụ: cánh quân chia thành ba mũi, mũi quân thọc sâu vào lòng địch)...

Bài 4.

- a. Câu đố này đố về con bò
- b. Điểm thú vị trong câu trên là đã sử dụng từ đa nghĩa "chín" ý chỉ chín ở đây là đã được nấu chín

Bài 5: Ví dụ về hiện tượng đồng âm

- Con ngựa đá con ngựa bằng đá, con ngựa đá không đá con ngựa.
- Hồ mang bò trên núi
- Bác bác trứng, tôi tôi voi

- Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.

Bài 6

- BPTT điệp ngữ:

.....thấy nước thấy trời

Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó

....

Sẽ có cây, có cửa, có nhà

- Tác dụng: làm tăng giá trị biểu cảm cho câu thơ, cho thấy sự mê mông của trời nước, của đất nước quê hương.

Viết ngắn

Tuổi thơ ai cũng có ước mơ, hoài bão; chúng giúp nuôi lớn tâm hồn trẻ thơ. Nó là những điều tốt đẹp mà chúng ta mong muốn đạt được trong thực tại. Tôi cũng giống như bao đứa trẻ khác, tôi cũng có cho mình ước mơ tuổi thơ. Ước mơ của tuổi thơ giúp tôi cố gắng phấn đấu học tập thật tốt để có thể thực hiện được ước mơ đó của mình. Với tôi, được đi đến, được khám phá vùng đất bên ngoài biển xa kia. Đó là vùng đất mà cha thường nhắc tới nhưng chưa hề đi tới.

Cha mượn cho con buồm trắng nhé

Để con đi...

"Cánh buồm trắng" chính là phương tiện giúp tôi có thể đến được những chân trời mới, để tôi được khám phá thế giới, để tôi thực hiện ước mơ hoài bão mà cha tôi chưa thực hiện được. Tôi hi vọng rằng tôi sẽ làm được điều đó thay cha, và làm điều đó vì bản thân mình. Mong rằng mai này đây tôi có thể vươn đến những tầm cao, chinh phục những điều đẹp đẽ của cuộc đời để thỏa mãn ước mơ và đem lại hạnh phúc cho cha, để người có thể mỉm cười tự hào về tôi.

.....

Bài 7: GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG

Đọc mở rộng theo thể loại

CON LÀ... (1 tiết)

PHIẾU HỌC TẬP

Đặc điểm của thể thơ	
Ngôn ngữ	Từ ngữ:
	Hình ảnh:
	Biện pháp tu từ:
Tình cảm của người cha dành cho con	

1. Những đặc điểm của thơ ta có thể thấy qua văn bản trên là: được chia thành 3 đoạn rõ ràng mỗi đoạn 3 câu, một câu có 4- 7 từ.
2. Nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua:

- Từ ngữ: cụm từ "con là" được lặp lại ở mỗi dòng đầu của 1 khổ, giúp nhấn mạnh con rất quan trọng đối với cha.

- Biện pháp tu từ: so sánh con với nỗi buồn, niềm vui và hạnh phúc. Đó là những thứ có giá trị vô cùng to lớn với người cha.

- Hình ảnh độc đáo như: trời, hạt vừng, sợi tóc. Những hình ảnh được sử dụng đại diện cho sự rộng lớn, nhỏ bé và mong manh. Tưởng như nó mâu thuẫn với nhau nhưng lại diễn tả tình yêu thương của người cha dành cho con là vô bờ bến.

3. Tình cảm người cha dành cho con trong văn bản trên được thể hiện một cách rõ ràng và sinh động. Đó là tình yêu thương vô cùng lớn, con là vừa là nỗi buồn vừa là niềm vui vừa là hạnh phúc, đủ thấy cha yêu con biết nhường nào.

★ Tổng kết

● *Nghệ thuật – Ý nghĩa:*

- Biện pháp tu từ: điệp ngữ “con là” cùng với những nghệ thuật so sánh, qua đó đã tăng thêm sức gọi cho hình ảnh so sánh là đứa con.

- Từ ngữ mộc mạc, giản dị, người cha so sánh con với những gì là tự nhiên và gần gũi nhất, từ to lớn bằng “trời” đến nhỏ bé, mong manh như “hạt vừng”, “sợi tóc” cho thấy tình cảm của người cha vô cùng chân thành, ấm áp.

● *Nội dung*

- Bài thơ khắc họa những suy nghĩ, cảm nhận của người cha về đứa con bé bỏng. Con là nỗi buồn, niềm vui, là sợi dây gắn kết tình cảm giữa cha và mẹ. Qua đó cho thấy niềm hạnh phúc lớn lao của người cha khi có con.